

Số: 07/2007/TT-BTC

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2007

THÔNG TƯ

SỐ 07/2007/TT-BTC CỦA BỘ TÀI CHÍNH HƯỚNG DẪN CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH VÀ THỦ TỤC HẢI QUAN ÁP DỤNG TẠI KHU KINH TẾ VŨNG ÁNG, TỈNH HÀ TĨNH

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Luật, Pháp lệnh về thuế, phí, lệ phí;

Căn cứ Quyết định số 72/2006/QĐ-TTg ngày 03/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Khu kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh;

Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính và thủ tục hải quan áp dụng tại Khu kinh tế Vũng Áng như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi áp dụng:

Chế độ tài chính và thủ tục hải quan quy định tại Thông tư này (dưới đây gọi tắt là chế độ tài chính) được áp dụng trên địa bàn Khu kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh (sau đây viết tắt là KKT Vũng Áng).

Chế độ tài chính quy định tại Thông tư này chỉ áp dụng đối với các hoạt động kinh doanh được tiến hành trên địa bàn KKT Vũng Áng. Trường hợp các tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh cả trên địa bàn KKT Vũng Áng và trong nội địa Việt Nam thì phải hạch toán riêng các hoạt động kinh doanh trên địa bàn KKT Vũng Áng làm căn cứ xác định chế độ tài chính được áp dụng.

Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và bên nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh đã được cấp giấy phép đầu tư; cơ sở kinh doanh trong nước đã được cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư tại KKT Vũng Áng trước ngày Quyết định số 72/2006/QĐ-TTg ngày 03/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Quyết định số 72/2006/QĐ-TTg) có hiệu lực mà chưa hưởng đủ ưu đãi thì được hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định tại Thông tư này cho thời gian ưu đãi còn lại, trường hợp dự án có mức ưu đãi cao hơn mức ưu đãi quy định tại Thông tư này thì tiếp tục thực hiện ưu đãi theo Giấy phép đầu tư cho thời gian còn lại của dự án.

2. Đối tượng áp dụng:

Đối tượng áp dụng Thông tư này là nhà đầu tư thuộc các thành phần kinh tế hoạt động theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể và cá nhân hành nghề độc lập, các tổ chức và cá nhân hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật tại Việt Nam.

3. Giải thích từ ngữ:

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Khu phi thuế quan: là khu vực địa lý được ngăn cách bằng hàng rào cứng với các khu chức năng khác của KKT Vũng Áng theo quy định tại các Điều 7, Điều 8 Quy chế hoạt động của KKT Vũng Áng ban hành kèm theo Quyết định số 72/2006/QĐ-TTg .

- Các khu chức năng: bao gồm khu công nghiệp, khu cảng và dịch vụ hậu cần cảng, khu du lịch và dịch vụ giải trí, khu đô thị, khu dân cư và khu hành chính (không bao gồm khu chế xuất) được xác định trong Quy hoạch chung KKT Vũng Áng do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Nội địa Việt Nam: bao gồm các khu chức năng trong KKT Vũng Áng và phần còn lại của lãnh thổ Việt Nam (trừ các khu Khu phi thuế quan quy định tại khoản 1, Điều 5 Luật thuế Xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2005, tại Khoản 2, Điều 1, Nghị định số 149/2005/NĐ-CP ngày 08/12/2005, dưới đây gọi tắt là khu phi thuế quan khác).

- Cổng kiểm soát hải quan: Khu phi thuế quan có 2 cổng kiểm soát hải quan: Cổng kiểm soát hải quan tại phần tiếp giáp giữa cảng phi thuế quan với biển, gọi tắt là cổng A; Cổng kiểm soát hải quan tại phần tiếp giáp giữa cảng phi thuế quan với nội địa, gọi tắt là cổng B.

- Danh mục hàng hoá có xuất xứ từ Khu phi thuế quan: Là danh mục hàng hoá do Ban quản lý KKT Vũng Áng (gọi tắt là Ban quản lý) ban hành theo từng thời kỳ (gọi tắt là Danh mục hàng hoá xuất xứ Khu phi thuế quan) gồm những hàng hoá sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại Khu phi thuế quan không sử dụng nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài.

4. Điều kiện áp dụng chế độ tài chính liên quan đến Khu phi thuế quan:

Các cơ chế tài chính quy định đối với Khu phi thuế quan trong KKT Vũng Áng chỉ áp dụng khi Khu phi thuế quan được bảo đảm đồng thời các điều kiện sau:

- Có hàng rào cứng bảo đảm cách ly các hoạt động trong Khu phi thuế quan với các khu chức năng khác trong KKT Vũng Áng;

- Trong Khu phi thuế quan không có khu dân cư, không có dân cư cư trú thường xuyên hoặc tạm trú (kể cả người nước ngoài);

- Có cơ quan hải quan giám sát, kiểm tra người, hàng hoá và các phương tiện vào và ra Khu phi thuế quan.

5. Một số quy định chung về thủ tục hải quan Khu phi thuế quan:

a) Các tổ chức, cá nhân hoạt động trong Khu phi thuế quan được xuất khẩu ra nước ngoài và nhập khẩu từ nước ngoài tất cả các hàng hoá, dịch vụ mà pháp luật Việt Nam không cấm. Chính sách về mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá theo từng thời kỳ và các văn bản hướng dẫn thực hiện của các Bộ, ngành có liên quan. Việc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá thuộc danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện, hàng hoá hạn chế kinh doanh thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Thương mại.

b) Định kỳ 6 tháng, doanh nghiệp Khu phi thuế quan có trách nhiệm gửi cơ quan hải quan Báo cáo quyết toán vật tư, nguyên vật liệu, hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu trong kỳ và Báo cáo xuất-nhập-tồn kho sản phẩm. Cơ quan hải quan kiểm tra đối chiếu và gửi cơ quan thuế để kiểm tra xác định các khoản thuế phải nộp.

c) Hàng hoá, hành lý xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh tại Khu phi thuế quan thuộc loại hình nào thì áp dụng qui trình thủ tục hải quan quy định cho loại hình đó.

d) Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh qua Khu phi thuế quan chỉ được đi qua cổng A và cổng B.

đ) Hàng hoá từ nước ngoài đi qua cổng B, hàng hoá từ nội địa xuất khẩu vào Khu phi thuế quan và ngược lại vào Khu phi thuế quan làm thủ tục hải quan tại cổng B; Hàng hoá từ nước ngoài vào Khu phi thuế quan và hàng hoá từ khu phi thuế quan ra nước ngoài qua cổng A làm thủ tục hải quan tại cổng A.

e) Hàng hoá từ nội địa xuất khẩu ra nước ngoài qua cổng A hoặc hàng hoá từ nước ngoài qua cổng A vào nội địa làm thủ tục hải quan theo quy định hiện hành tại cổng A hoặc tại chi cục hải quan ngoài cửa khẩu. Nếu làm thủ tục tại chi cục hải quan ngoài cửa khẩu thì thủ tục hải quan thực hiện theo quy định về hàng hoá chuyển cửa khẩu.

f) Ngoài các quy định về thủ tục hải quan nêu trên, các bên liên quan phải thực hiện các nghĩa vụ khác quy định tại Luật Hải quan, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các văn bản khác có liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu.

6. Nguyên tắc ưu đãi đầu tư:

Các dự án đầu tư vào KKT Vũng Áng được hưởng ưu đãi tối đa dành cho các dự án đầu tư ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Luật đầu tư, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế giá trị gia tăng và các ưu đãi theo điều ước quốc tế, các hợp đồng thương mại song phương và đa phương mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia.

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định các mức ưu đãi khác nhau về cùng một vấn đề thì được áp dụng mức ưu đãi quy định tại văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn.

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy định về cùng một vấn đề do cùng một cơ quan ban hành mà có quy định khác nhau thì áp dụng quy định của văn bản được ban hành sau.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Chính sách thuế đối với KKT Vũng Áng:

1.1. Thuế thu nhập doanh nghiệp:

a) Các dự án đầu tư của các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài để hình thành cơ sở sản xuất kinh doanh mới trong KKT Vũng Áng được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong 15 năm, kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh; được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế; được giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm kế tiếp.

b) Các dự án đầu tư của các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài trong KKT Vũng Áng thuộc các lĩnh vực công nghệ cao đáp ứng quy định tại khoản 2, Điều 5 Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2003 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế khu công nghệ cao được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong suốt thời gian thực hiện dự án.

c) Cơ sở sản xuất kinh doanh đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất mới, mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ, cải thiện môi trường sinh thái, nâng cao năng lực sản xuất thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

d) Thu nhập chịu thuế đối với hoạt động chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền thuê đất phải nộp thuế thu nhập theo hướng dẫn tại Mục C Thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003

của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

đ) Để thực hiện các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư tại KKT Vũng Áng phải nộp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với doanh nghiệp trong nước), Giấy phép đầu tư (đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) cho cơ quan thuế nơi doanh nghiệp kê khai nộp thuế. Việc ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ áp dụng đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ đã đăng ký và nộp thuế theo kê khai.

e) Trong quá trình hoạt động, sau khi quyết toán thuế với cơ quan thuế mà bị lỗ, doanh nghiệp được chuyển khoản lỗ sang những năm sau để trừ vào thu nhập chịu thuế. Thời gian chuyển lỗ không quá 5 năm.

f) Doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thuế nơi doanh nghiệp kê khai nộp thuế về thời gian thực hiện miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp nêu tại khoản này.

1.2. Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao:

Người lao động (kể cả người Việt Nam và người nước ngoài) làm việc tại KKT Vũng Áng được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp cho phần thu nhập có được do làm việc tại KKT Vũng Áng, gồm cả thu nhập thường xuyên và không thường xuyên.

Việc kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế thực hiện theo các văn bản hướng dẫn hiện hành của pháp luật về thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao.

1.3. Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu:

a) Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu trong các trường hợp sau đây không thuộc đối tượng chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu:

- Hàng hoá từ Khu phi thuế quan xuất khẩu ra nước ngoài; Hàng hoá từ nước ngoài nhập khẩu vào Khu phi thuế quan và chỉ sử dụng trong Khu phi thuế quan;
- Hàng hoá từ Khu phi thuế quan chuyển sang hoặc bán cho các khu phi thuế quan khác và ngược lại.
- Các trường hợp hàng hoá không thuộc diện chịu thuế xuất khẩu khác có xuất xứ từ nội địa Việt Nam đưa vào Khu phi thuế quan.

b) Hàng hoá thuộc diện chịu thuế xuất khẩu có xuất xứ từ nội địa Việt Nam đưa vào Khu phi thuế quan phải nộp thuế xuất khẩu và làm thủ tục xuất khẩu theo quy định hiện hành.

c) Hàng hoá từ Khu phi thuế quan nhập vào nội địa Việt Nam phải nộp thuế nhập khẩu theo quy định sau:

- Hàng hoá có xuất xứ từ nước ngoài nộp thuế nhập khẩu theo quy định hiện hành.
- Hàng hoá được sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại Khu phi thuế quan được áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi CEPT nếu đủ điều kiện theo quy định hiện hành.
- Hàng hoá thuộc Danh mục xuất xứ Khu phi thuế quan đưa vào nội địa không phải nộp thuế nhập khẩu.
- Hàng hoá sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại Khu phi thuế quan trong KKT Vũng Áng có sử dụng nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu trực tiếp từ nước ngoài (không bao gồm hàng hoá nhập từ

nội địa Việt Nam có sử dụng nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài), khi nhập khẩu vào nội địa Việt Nam chỉ phải nộp thuế nhập khẩu đối với phần nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài cấu thành trong hàng hoá đó.

Căn cứ để xác định thuế nhập khẩu phải nộp đối với phần nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài cấu thành trong hàng hoá nhập vào nội địa Việt Nam là:

Giá tính thuế xác định theo quy định hiện hành; số lượng hàng hoá nhập khẩu vào nội địa Việt Nam; thuế suất thuế nhập khẩu đối với từng loại nguyên liệu, linh kiện. Giá tính thuế và thuế suất áp dụng tại thời điểm mở tờ khai nhập khẩu vào nội địa. Tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh có trách nhiệm đăng ký với cơ quan Hải quan về danh mục hàng hoá nhập khẩu sử dụng làm nguyên liệu sản xuất hàng nhập khẩu vào nội địa và định mức nguyên liệu, linh kiện dùng để sản xuất hàng nhập khẩu trước khi nhập vào nội địa Việt Nam.

Giá trị nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu cấu thành trong mỗi đơn vị hàng hoá nhập khẩu vào nội địa được xác định theo quy định về giá tính thuế nhập khẩu đối với hàng nhập khẩu tại thời điểm nhập khẩu vào nội địa Việt Nam.

d) Các dự án đầu tư sản xuất trong KKT Vũng Áng của các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài được miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu sản xuất, vật tư, linh kiện và bán thành phẩm mà trong nước chưa sản xuất được trong 05 năm, kể từ khi bắt đầu sản xuất.

Thủ tục, hồ sơ miễn thuế, kê khai và quyết toán thuế nhập khẩu đối với trường hợp này được thực hiện theo quy định tại Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Nghị định số 149/2005/NĐ-CP ngày 08/12/2005 và Thông tư số 113/2005/TT-BTC ngày 15/12/2005 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thi hành thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

đ) Các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh trong Khu phi thuế quan nhập nguyên liệu sản xuất, vật tư, hàng hoá từ nước ngoài nhưng không sử dụng hết và các thứ phẩm còn có giá trị thương mại được phép bán vào nội địa Việt Nam sau khi hoàn tất thủ tục hải quan phải nộp thuế nhập khẩu theo quy định hiện hành.

1.4. Thuế tiêu thụ đặc biệt:

a) Hàng hoá, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt được sản xuất, tiêu thụ trong Khu phi thuế quan hoặc được nhập khẩu từ nước ngoài vào Khu phi thuế quan và ngược lại không phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt. Riêng ô tô dưới 24 chỗ ngồi thực hiện nộp thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định chung hiện hành.

b) Hàng hoá, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt từ nội địa Việt Nam xuất khẩu vào Khu phi thuế quan không phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt. Riêng ô tô dưới 24 chỗ ngồi thực hiện nộp thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định chung hiện hành.

c) Hàng hoá, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt từ Khu phi thuế quan chuyển sang hoặc bán cho các khu phi thuế quan khác và ngược lại không phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

d) Hàng hoá thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt từ Khu phi thuế quan nhập vào nội địa Việt Nam phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng nhập khẩu theo quy định hiện hành.

1.5. Thuế giá trị gia tăng:

Các doanh nghiệp KKT Vũng Áng được sử dụng hoá đơn giá trị gia tăng theo quy định hiện hành, thực hiện đăng ký, kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng đối với trường hợp thực hiện nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Thông tư này. Đối với những trường hợp hàng hoá không phải

nộp thuế giá trị gia tăng, trong hoá đơn thuế giá trị gia tăng, dòng thuế giá trị gia tăng được gạch chéo (x). Cụ thể như sau:

- a) Hàng hoá, dịch vụ sản xuất và tiêu thụ trong Khu phi thuế quan và từ nước ngoài nhập khẩu vào Khu phi thuế quan và ngược lại không phải chịu thuế giá trị gia tăng.
- b) Hàng hoá, dịch vụ từ Khu phi thuế quan chuyển sang hoặc bán cho các khu chế xuất và ngược lại không phải chịu thuế giá trị gia tăng.
- c) Hàng hoá, dịch vụ từ nội địa Việt Nam xuất khẩu vào Khu phi thuế quan được hưởng thuế suất thuế giá trị gia tăng là 0%.
- d) Hàng hoá, dịch vụ từ Khu phi thuế quan nhập khẩu vào nội địa Việt Nam phải chịu thuế giá trị gia tăng đối với hàng nhập khẩu với thuế suất theo quy định hiện hành. Cụ thể, doanh nghiệp trong Khu phi thuế quan khi xuất bán cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nội địa Việt Nam lập hoá đơn không có thuế giá trị gia tăng, dòng thuế suất và thuế giá trị gia tăng gạch chéo. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nội địa (hoặc doanh nghiệp Khu phi thuế quan trong KKT Vũng Áng trong trường hợp tự mang hàng vào nội địa để bán) chỉ phải nộp thuế giá trị gia tăng đối với hàng nhập khẩu theo tờ khai hải quan khi làm thủ tục nhập khẩu vào thị trường nội địa.

1.6. Về giá, phí và lệ phí và các loại thuế khác:

- a) Giá thuê đất, giá cho thuê đất đối với đất đã xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, tiền sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật, công trình dịch vụ và tiện ích công cộng trong KKT Vũng Áng do các doanh nghiệp kinh doanh cơ sở hạ tầng xác định sau khi đã thoả thuận với Ban Quản lý KKT Vũng Áng.
- b) Các loại thuế, phí và lệ phí khác được thực hiện theo quy định hiện hành tại các Luật, Pháp lệnh về thuế, phí, lệ phí, Luật đầu tư và các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành.

2. Thủ tục hải quan đối với hàng hoá ra vào Khu phi thuế quan:

2.1. Đối với hàng hoá từ nước ngoài nhập khẩu vào Khu phi thuế quan:

a) Nhập khẩu vào Khu phi thuế quan qua cổng A:

- Tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh nhập khẩu có trách nhiệm khai báo hải quan, nộp hồ sơ hải quan theo đúng quy định hiện hành đối với từng loại hình nhập khẩu hàng hoá theo quy định tại khoản 5, Mục I của Thông tư này.
- Cơ quan hải quan cổng A thực hiện giải quyết các thủ tục cần thiết theo quy định hiện hành đối với từng loại hàng hoá.

b) Nhập khẩu vào Khu phi thuế quan qua cổng B: Thực hiện theo quy định hiện hành về hàng nhập khẩu chuyển khẩu

2.2. Đối với hàng hoá từ nước ngoài nhập khẩu vào nội địa Việt Nam qua cổng A và hàng hoá từ nội địa xuất khẩu ra nước ngoài qua cổng A: Thực hiện theo quy định hiện hành.

2.3. Đối với hàng hoá từ nội địa xuất vào khu phi thuế quan:

- a) Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trong nội địa đăng ký làm thủ tục hải quan tại cơ quan hải quan Cổng B thì phải có trách nhiệm khai báo hải quan, nộp hồ sơ hải quan theo quy định đối với từng loại hình xuất khẩu. Trường hợp vận chuyển hàng hoá nội bộ giữa doanh nghiệp với chi nhánh trong và ngoài khu phi thuế quan thì được thay thế hợp đồng mua bán bằng chứng từ xuất kho. Cơ quan hải quan cổng B có trách nhiệm thực hiện đầy đủ thủ tục xuất khẩu

cho tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trong nội địa theo đúng quy định đối với từng loại hình xuất khẩu.

b) Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trong nội địa đăng ký tờ khai xuất khẩu tại cửa khẩu Chi cục Hải quan nội địa: Thủ tục hải quan thực hiện theo quy định hiện hành đối với hàng xuất khẩu chuyển cửa khẩu. Cơ quan hải quan Cổng B thực hiện nhiệm vụ của hải quan cửa khẩu xuất đối với hàng xuất khẩu chuyển cửa khẩu (trừ việc xác nhận thực xuất).

2.4. Đối với hàng hoá từ Khu phi thuế quan xuất khẩu ra nước ngoài:

a) Qua cổng B: Thực hiện theo quy định hiện hành đối với hàng xuất khẩu chuyển cửa khẩu.

b) Qua cổng A: Thực hiện đăng ký làm thủ tục tại cơ quan hải quan cổng A. Cơ quan hải quan cổng A thực hiện thủ tục hải quan theo quy định hiện hành đối với hàng xuất khẩu.

2.5. Đối với hàng hoá từ khu phi thuế quan đưa vào nội địa:

a) Đối với hàng hoá thuộc Danh mục hàng hoá xuất xứ Khu phi thuế quan được miễn làm thủ tục hải quan nhưng phải kê khai về số lượng hàng hoá với cơ quan hải quan và chịu sự giám sát của cơ quan hải quan.

b) Đối với các hàng hoá khác phải thực hiện thủ tục hải quan đầy đủ, cụ thể như sau:

- Tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh tại khu phi thuế quan (bên bán) có trách nhiệm cung cấp cho tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trong nội địa (bên mua) đầy đủ chứng từ, hoá đơn và các giấy tờ theo quy định của cơ quan hải quan để doanh nghiệp nội địa khai báo hải quan, nộp hồ sơ hải quan theo đúng quy định đối với từng loại hình nhập khẩu tại cơ quan hải quan cổng B.

- Hải quan cổng B có trách nhiệm làm thủ tục hải quan cho hàng hoá nhập khẩu của doanh nghiệp nội địa theo đúng quy định. Trường hợp phát hiện có hàng nước ngoài được đưa vào khu phi thuế quan để tiếp tục nhập khẩu vào nội địa có cùng chủng loại với hàng hoá nằm trong Danh mục hàng hoá xuất xứ khu phi thuế quan do Ban quản lý KKT Vũng Áng thông báo, nhưng doanh nghiệp không khai báo hải quan, thì cơ quan hải quan cổng B yêu cầu xuất trình chứng từ chứng minh về nguồn gốc xuất xứ của lô hàng; tiến hành xử lý vi phạm và làm thủ tục nhập khẩu cho lô hàng theo quy định của pháp luật; đồng thời, thông báo cho Ban quản lý KKT Vũng Áng biết để có biện pháp quản lý hoặc loại trừ khỏi Danh mục hàng hoá xuất xứ Khu phi thuế quan.

2.6. Đối với hàng hoá gia công:

Thủ tục hải quan đối với hàng hoá mà tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trong Khu phi thuế quan gia công cho thương nhân nước ngoài hoặc thuê tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trong nội địa gia công và ngược lại được thực hiện theo quy định hiện hành.

2.7. Hàng hoá tạm xuất - tái nhập; tạm nhập - tái xuất; chuyển khẩu; quá cảnh và vận chuyển:

Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh và vận chuyển qua Khu phi thuế quan chỉ được đi qua các cổng có trạm kiểm soát hải quan. Thủ tục hải quan đối với hàng hoá tạm xuất- tái nhập; tạm nhập- tái xuất; chuyển khẩu; quá cảnh và vận chuyển tại Khu phi thuế quan thực hiện theo quy định hiện hành.

2.8. Ngoài các hướng dẫn tại Thông tư này, doanh nghiệp phải thực hiện các nghĩa vụ khác quy định tại Luật Hải quan, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các văn bản hướng dẫn khác về hải quan.

3. Chế độ ưu đãi phát triển cơ sở hạ tầng

3.1. Hỗ trợ đầu tư từ ngân sách nhà nước để xây dựng cơ sở hạ tầng:

a) Phạm vi, đối tượng đầu tư từ ngân sách nhà nước (NSNN)

- Ngân sách Nhà nước hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng kỹ thuật- xã hội và các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng quan trọng phục vụ chung cho KKT Vũng Áng theo các chương trình mục tiêu được bố trí theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt. NSNN chỉ hỗ trợ để đầu tư xây dựng cho các công trình cơ sở hạ tầng chung của toàn KKT Vũng Áng, không bao gồm cơ sở hạ tầng dành riêng cho từng khu chức năng trong KKT Vũng Áng.

- Việc hỗ trợ đầu tư từ NSNN để xây dựng cơ sở hạ tầng KKT Vũng Áng được thực hiện theo đúng dự án phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Ban Quản lý KKT Vũng Áng là đầu mối kế hoạch của địa phương được cân đối riêng vốn xây dựng cơ bản từ nguồn NSNN để xây dựng cơ sở hạ tầng KKT Vũng Áng; là chủ đầu tư trực tiếp quản lý các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng được đầu tư xây dựng bằng vốn NSNN trong phạm vi KKT Vũng Áng theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng hiện hành của Nhà nước.

b) Hỗ trợ đầu tư từ NSNN để xây dựng cơ sở hạ tầng

- Hàng năm, căn cứ các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội đã được các cấp thẩm quyền phê duyệt, tiến độ thực hiện của dự án, ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh Hà Tĩnh để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng của KKT Vũng Áng theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

- Vốn ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách tỉnh Hà Tĩnh để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng của KKT Vũng Áng được giao rõ trong dự toán NSNN giao cho tỉnh Hà Tĩnh. Cùng với nguồn hỗ trợ của ngân sách Trung ương, hàng năm tỉnh Hà Tĩnh bố trí dự toán ngân sách địa phương đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng của KKT Vũng Áng theo quy định tại điểm a khoản này.

c) Các khoản thu phát sinh trên địa bàn được nộp vào ngân sách nhà nước. Việc phân cấp nguồn thu giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật hiện hành.

d) Việc quản lý, sử dụng vốn do ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư để xây dựng cơ sở hạ tầng KKT Vũng Áng:

Vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư để xây dựng cơ sở hạ tầng KKT Vũng Áng được quản lý, sử dụng theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành. Việc lập dự toán được thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

3.2. Chế độ dùng quỹ đất để tạo vốn phát triển hạ tầng:

Ban quản lý là đầu mối được giao chỉ tiêu kế hoạch hàng năm và là chủ đầu tư trực tiếp quản lý các dự án sử dụng vốn từ quỹ đất tại KKT Vũng Áng; tổ chức đấu thầu để lựa chọn đơn vị có đủ năng lực về tài chính, kinh nghiệm và uy tín để triển khai thi công các dự án cơ sở hạ tầng đầu tư bằng vốn từ quỹ đất tại KKT Vũng Áng.

Ban quản lý lập danh mục các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng được sử dụng quỹ đất để tạo vốn và diện tích khu đất được sử dụng để tạo vốn thực hiện dự án gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp theo quy định của Luật ngân sách nhà nước để trình Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh trình ra Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc quyết định theo thẩm quyền.

Căn cứ quy hoạch sử dụng đất của địa phương, khả năng thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất từ đấu giá, tiền thu về sử dụng đất, thuê đất không thông qua đấu giá và nhu cầu về chi đền bù, hỗ trợ cho người có đất bị thu hồi và nhu cầu chi đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng thuộc đối tượng đầu tư từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh chỉ đạo cơ quan tài chính tổng hợp các nhiệm vụ thu, chi này vào dự toán ngân sách hàng năm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

Căn cứ dự toán ngân sách năm được Hội đồng nhân dân quyết định, Ủy ban nhân dân giao cơ quan tài chính phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện thu, chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất, thuê đất và quyết toán vào ngân sách nhà nước theo chế độ quy định.

Trường hợp tổ chức, cá nhân ứng trước kinh phí để thực hiện đền bù, hỗ trợ người có đất bị thu hồi để đầu tư các công trình cơ sở hạ tầng thuộc đối tượng đầu tư của ngân sách nhà nước, sau đó mới thực hiện đấu giá thu tiền sử dụng đất, thuê đất thì khoản thu sử dụng đất, thuê đất để hoàn trả cho các tổ chức, cá nhân đã ứng trước phải thực hiện hạch toán thu, chi đầy đủ vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

Việc sử dụng quỹ đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng KKT Vũng Áng thực hiện theo Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai, Nghị định 17/2006/NĐ-CP ngày 27/01/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật đất đai, Quyết định số 216/2005/QĐ-TTg ngày 31/8/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.

3.3. Đầu tư cơ sở hạ tầng từ nguồn vốn ODA và các nguồn vốn khác:

Các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội, công trình dịch vụ tiện ích công cộng cần thiết của KKT Vũng Áng và các trợ giúp kỹ thuật khác được ưu tiên đưa vào danh mục gọi vốn ODA và được sử dụng các hình thức huy động vốn khác theo quy định tại Điều 21 của Quy chế hoạt động của KKT Vũng Áng ban hành kèm theo Quyết định số 72/2006/QĐ-TTg ngày 03/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Chế độ tài chính áp dụng cho Ban quản lý KKT Vũng Áng:

4.1. Ban quản lý là đơn vị dự toán ngân sách địa phương. Kinh phí hoạt động của Ban do ngân sách địa phương đảm bảo. Mọi khoản thu theo quy định do Ban quản lý thực hiện đều phải nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

4.2. Ban quản lý được phép thu các loại phí, lệ phí tương ứng với nhiệm vụ được các cơ quan quản lý Nhà nước ủy quyền theo qui định hiện hành. Khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ủy quyền thực hiện nhiệm vụ thu, Ban quản lý có trách nhiệm thông báo và đăng ký với cơ quan thuế nơi ban quản lý đặt trụ sở để làm các thủ tục về việc nộp số phí, lệ phí thu được do thực hiện các nhiệm vụ ủy quyền.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. UBND tỉnh Hà Tĩnh có trách nhiệm đảm bảo thực hiện đủ các điều kiện quy định tại Khoản 4, Mục I đề Khu phi thuế quan được áp dụng chế độ tài chính quy định tại Thông tư này. Trường hợp chưa đủ các điều kiện quy định thì chưa được áp dụng.

2. Tổng Cục Hải quan có trách nhiệm:

Căn cứ vào các quy định về thủ tục hải quan tại Thông tư này và các quy định về quy trình, thủ tục hải quan áp dụng tại Khu phi thuế quan hiện hành để quy định quy trình, thủ tục hải quan cụ thể áp dụng tại Khu phi thuế quan trong KKT Vũng Áng.

3. Cơ quan hải quan tỉnh Hà Tĩnh có trách nhiệm:

- Tổ chức công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại, ngăn chặn việc nhập khẩu trái phép hàng hoá từ Khu phi thuế quan vào nội địa Việt Nam và tại các khu vực khác trong địa bàn hoạt động của hải quan.
- Phối hợp với Ban quản lý KKT và các cơ quan liên quan (Thuế, Công an, Biên phòng) thực hiện công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại, ngăn chặn nhập khẩu trái phép hàng hoá từ Khu phi thuế quan vào nội địa Việt Nam.
- Kiểm tra, giám sát hàng hoá, phương tiện vận tải, phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới; tổ chức thực hiện pháp luật về thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu; tổ chức các trạm hải quan theo quy định, phù hợp với đặc điểm địa lý Khu phi thuế quan để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

4. Cục thuế tỉnh Hà Tĩnh có trách nhiệm hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện điểm e, khoản 1.1, Mục II, Thông tư này và các nội dung khác về thuế.

5. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Mọi vướng mắc trong quá trình thực hiện đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ và các phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng TƯ và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tài chính, Cục thuế, Kho bạc Nhà Nước, Cục Hải quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh.;
- Ban quản lý KKT Vũng Áng
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, PC

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Văn Tá